

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index đã không thể vượt qua ngưỡng 1,330 trong ngày hôm nay và bị đẩy xuống ngưỡng 1,315. Dòng tiền bắt đáy xuất hiện tại ngưỡng này giúp chỉ số thu hẹp đà giảm và đóng cửa tại mốc 1,323.93 điểm, đi ngang so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 9/18 ngành giảm điểm và các ngành biến động không lớn. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng hơn 1.4 nghìn tỷ trên sàn HSX. Kháng cự của VN-Index đang có xu hướng lùi dần xuống các mức giá thấp hơn, tuy nhiên có một điểm tích cực là chỉ số đã bật lên khi chạm SMA20. Trong những phiên tới, chỉ số có thể trải qua giằng co trong vùng 1,320 – 1,330.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm, ngược với nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 20/03/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-0.70** điểm, đóng cửa tại **1323.93** điểm. HNX-Index **+0.49** điểm, đóng cửa tại **245.77** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **MBB (+0.61)**, **VCB (+0.42)**, **TCB (+0.35)**, **VPB (+0.30)**, **STB (+0.24)**.
- Kéo chỉ số giảm: **TPB (-0.53)**, **VIC (-0.37)**, **BCM (-0.30)**, **GVR (-0.29)**, **LPB (-0.29)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **17,812** tỷ đồng, giảm **-11.85%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 19,643 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 16.3 điểm. Thị trường có **192** mã tăng, **70** mã tham chiếu, **285** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-1409.25** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FPT (-279.35 tỷ)**, **TPB (-172.05 tỷ)**, **HPG (-171.35 tỷ)**, **VHM (-140.60 tỷ)**, **DIG (-105.35 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-13.80** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.18%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - MBB (+1.68%)** ([Link báo cáo](#))
 - STB (+1.30%)**
 - VCI (+1.16%)**
- BSC50 **-0.12%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - GEX (+4.61%)** ([Link báo cáo](#))
 - HAH (+3.53%)** ([Link báo cáo](#))
 - CTD (+3.21%)** ([Link báo cáo](#))

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.18%	-0.12%	-0.05%	0.10%
1 tuần	-0.99%	-0.21%	-0.18%	-0.60%
1 tháng	1.32%	1.84%	3.58%	3.11%
3 tháng	-0.17%	4.44%	5.28%	4.64%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,323.93	245.77	99.16
% 1D	-0.05%	0.20%	-0.20%
GTGD (tỷ VND)	17,812	1,058	542
%1D	-11.85%	27.52%	-7.38%
GDNN (tỷ VND)	-1409.25	-13.80	-33.09

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
SHB	56.20	FPT	-279.35
VCI	55.92	TPB	-172.05
GEX	44.98	HPG	-171.35
PNJ	34.13	VHM	-140.60
DLG	28.87	DIG	-105.35

Thị trường thế giới

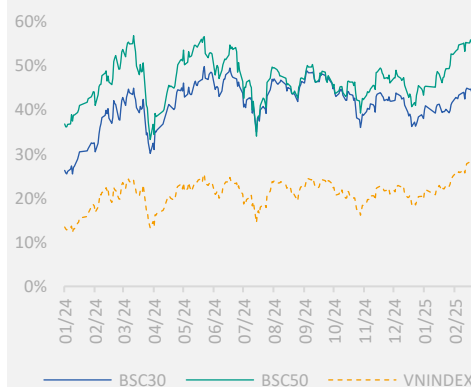
		%D	%W
SPX	5,675	1.08%	1.36%
FTSE100	8,716	0.10%	2.02%
Eurostoxx	5,482	-0.21%	2.70%
Shanghai	3,409	-0.51%	1.50%
Nikkei	37,910	0.42%	3.04%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	70.84	-0.04%
Giá vàng	3,037	-0.73%
Tỷ giá		
USD/VND	25,740	0.04%
EUR/VND	28,663	-0.15%
JPY/VND	176	0.57%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.0%	-0.02%
LS LNH 1M	4.5%	

Nguồn: BSC tổng hợp

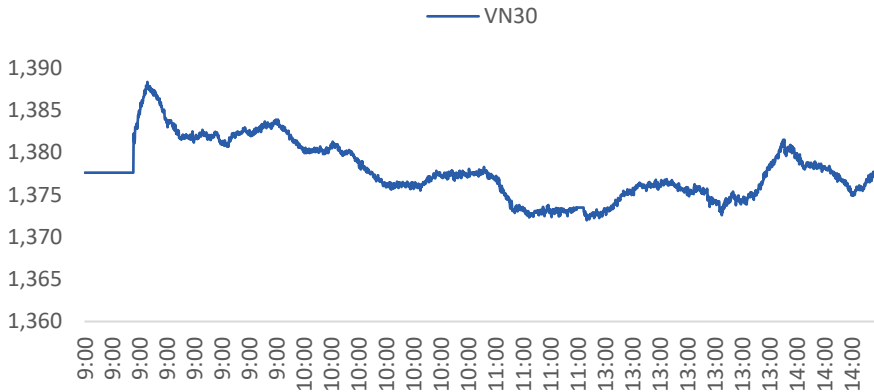
Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday

Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1370.60	-0.26%	53	-33%	9/18/2025	182
VN30F2504	1372.80	-0.33%	36,925	158%	4/17/2025	28
VN30F2503	1376.50	-0.04%	168,731	-1%	3/20/2025	0
VN30F2506	1370.90	-0.23%	126	-27%	6/19/2025	91

Nguồn: FiinproX, BSC Research
Nhận định

- VN30 +1.32 điểm, đóng cửa tại 1378.95 điểm. Biên độ dao động 16.39 điểm. Các cổ phiếu như MBB, STB, TCB, VPB, MWG tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 đã đảo chiều thành công những phút cuối của phiên đáo hạn phái sinh với thanh khoản tiếp tục ở mức cao. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới, chiến lược là Long/Short linh hoạt với phái sinh.
- Các HĐTL đều giảm, ngược với nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều giảm, ngoại trừ VN30F2504. Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2503.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CFPT2406	3/28/2025	8	80,000	-84.22%	14.77	200	81.8%	4.44	19.73	125.00	125.00
CMBB2408	3/28/2025	8	245,400	-84.42%	2.78	200	81.8%	4.30	3.78	24.25	24.25
CMSN2407	3/28/2025	8	700	-87.36%	8.35	30	50.0%	6.01	8.65	68.40	68.40
CMSN2504	6/30/2025	102	14,000	-85.83%	7.77	480	20.0%	15.18	9.69	68.40	68.40
CMBB2406	4/28/2025	39	263,200	-76.33%	2.50	810	17.4%	5.44	5.74	24.25	24.25
CFPT2507	8/5/2025	138	95,500	-83.70%	15.50	610	15.1%	13.72	20.38	125.00	125.00
CVNM2407	11/4/2025	229	428,600	-82.63%	6.75	670	13.6%	9.28	10.74	61.80	61.80
CMBB2405	7/28/2025	130	2,397,300	-75.26%	2.60	850	11.8%	5.42	6.00	24.25	24.25
CSTB2408	4/28/2025	39	345,600	-81.70%	3.60	880	11.4%	8.83	7.12	38.90	38.90
CSTB2410	11/4/2025	229	83,500	-79.51%	3.80	1,390	11.2%	11.74	7.97	38.90	38.90
CMBB2402	5/21/2025	62	317,300	-69.74%	2.35	2,550	9.9%	11.20	7.34	24.25	24.25
CSTB2501	6/26/2025	98	42,200	-73.19%	3.35	2,360	8.8%	11.86	10.43	38.90	38.90
CVPB2401	5/21/2025	62	158,600	-83.72%	1.99	630	8.6%	9.28	3.19	19.60	19.60
CMBB2407	11/4/2025	229	1,184,200	-74.10%	2.60	1,840	8.2%	10.86	6.28	24.25	24.25
CMSN2406	11/4/2025	229	254,700	-81.35%	7.90	810	8.0%	10.12	12.76	68.40	68.40
CFPT2405	8/14/2025	147	19,100	-67.03%	13.41	2,800	7.7%	11.26	41.21	125.00	125.00
CMBB2501	7/28/2025	130	104,200	-73.13%	2.09	1,700	7.6%	8.52	6.52	24.25	24.25
CSTB2503	5/26/2025	67	25,900	-78.77%	3.50	2,380	7.2%	17.72	8.26	38.90	38.90
CSTB2505	10/9/2025	203	200	-74.22%	4.00	2,010	6.9%	11.67	10.03	38.90	38.90
CSTB2412	3/28/2025	8	678,000	-88.41%	3.87	160	6.7%	8.76	4.51	38.90	38.90

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 20/03/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CFPT2406 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 81.82%. CMBB2407 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 6.73%.
- CFPT2404, CVHM2503, CTCB2504, CMBB2505, CVHM2408 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2403, CFPT2402, CVHM2504, CVIB2503, CMWG2506 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
MBB	24.25	1.68%	1.28
STB	38.90	1.30%	0.90
TCB	27.45	0.73%	0.86
VPB	19.60	0.77%	0.62
MWG	60.00	0.84%	0.55

Nguồn: Bloomberg, BSC Research
Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
LPB	35.55	-1.11%	-1.05
TPB	15.20	-5.30%	-1.00
VJC	96.20	-1.64%	-0.44
VIC	51.50	-0.77%	-0.43
VNM	61.80	-0.80%	-0.39

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MBB	24.25	1.68%	0.61	6.10
VCB	66.80	0.45%	0.42	5.59
TCB	27.45	0.73%	0.35	7.06
VPB	19.60	0.77%	0.30	7.93
STB	38.90	1.30%	0.24	1.89

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TPB	15.20	-5.30%	-0.53	2.64
VIC	51.50	-0.77%	-0.37	3.82
BCM	79.50	-1.49%	-0.30	1.04
GVR	34.50	-0.86%	-0.29	4.00
LPB	35.55	-1.11%	-0.29	2.99

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NVB	12.60	9.57%	0.90	1.17
NTP	68.00	2.87%	0.18	0.14
MBS	30.90	0.98%	0.11	0.57
SHS	14.90	1.36%	0.10	0.81
HGM	329.00	2.49%	0.07	0.01

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
THD	37.50	-4.09%	-0.37	0.38
KSV	189.30	-1.15%	-0.28	0.20
VIF	17.30	-3.89%	-0.15	0.35
MVB	24.00	-7.69%	-0.12	0.11
HUT	16.10	-1.23%	-0.11	0.89

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DTA	5.44	6.88%	0.00	0.54
SSC	36.30	6.76%	0.01	0.00
DLG	2.12	6.53%	0.01	18.19
TDW	60.50	6.51%	0.01	0.00
CLW	46.00	6.24%	0.01	0.03

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

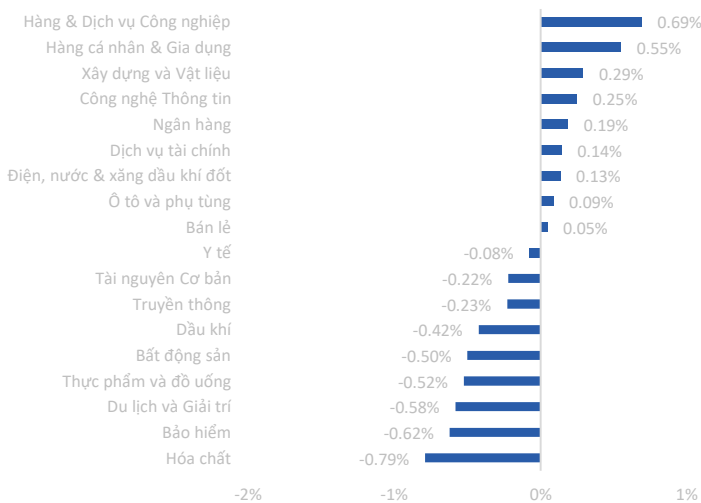
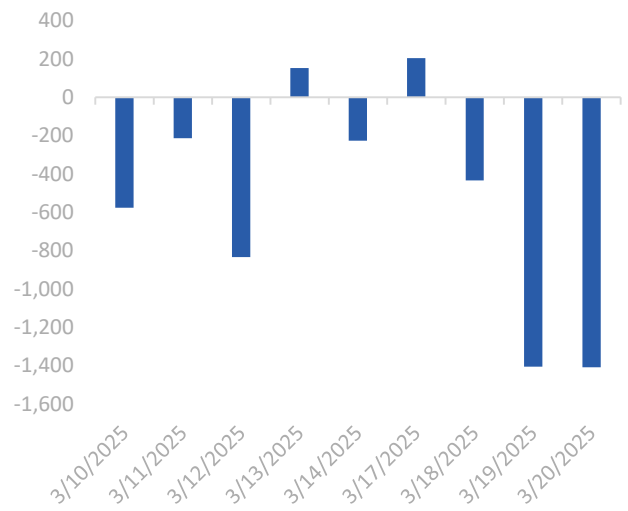
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VAF	16.95	-6.87%	-0.01	0.00
IJC	14.30	-6.84%	-0.09	17.93
ORS	12.30	-6.82%	-0.07	24.67
PDN	132.00	-6.25%	-0.07	0.00
L10	20.30	-6.24%	0.00	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DNC	70.40	9.83%	0.19	0.00
BPC	11.30	9.71%	0.01	0.00
HMR	14.70	9.70%	0.03	0.15
NVB	12.60	9.57%	4.84	2.38
MCO	10.80	9.09%	0.01	0.07

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HAT	45.40	-9.92%	-0.05	0.00
MDC	15.50	-9.88%	-0.11	0.17
ATS	16.60	-9.78%	-0.02	0.00
SFN	22.40	-9.31%	-0.02	0.00
VE8	5.10	-8.93%	0.00	0.02

**Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2**

**Hình 2
Giao dịch khối ngoại**


Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tài báo cáo
MWG	Bán lẻ	60.0	0.8%	1.6	87,689	336.9	2,544	23.6		46.1%	
KBC	Bất động sản	29.7	-0.5%	1.8	22,759	135.2	555	53.4		19.5%	
KDH	Bất động sản	32.4	-0.6%	1.2	32,761	101.4	862	37.6		35.8%	
PDR	Bất động sản	20.2	-1.7%	2.0	17,637	120.7	643	31.4	23,600	8.0%	Link
VHM	Bất động sản	47.4	0.0%	1.0	194,486	638.4	7,286	6.5	58,200	12.6%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	125.0	0.3%	0.9	183,884	1090.5	5,371	23.3	163,000	43.6%	Link
BSR	Dầu khí	19.6	-0.5%	0.0	60,770	51.1	202	97.2		0.3%	
PVS	Dầu khí	32.7	0.0%	1.2	15,629	41.6	2,473	13.2	40,300	17.9%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	32.1	0.3%	1.6	23,075	261.1	1,571	20.4		43.7%	
SSI	Dịch vụ tài chính	26.6	0.0%	1.6	52,088	655.7	1,536	17.3		38.6%	
VCI	Dịch vụ tài chính	39.2	1.2%	1.7	28,149	315.4	1,537	25.5		28.4%	
DCM	Hóa chất	34.3	0.2%	1.6	18,132	32.1	2,682	12.8	41,100	5.2%	Link
DGC	Hóa chất	106.4	-1.4%	1.3	40,408	228.5	7,864	13.5	111,400	16.1%	Link
ACB	Ngân hàng	26.3	0.2%	0.7	117,250	132.3	3,759	7.0		30.0%	
BID	Ngân hàng	39.8	0.0%	0.8	279,450	89.5	3,571	11.1	47,000	16.7%	Link
CTG	Ngân hàng	41.6	0.1%	1.0	223,392	367.9	4,720	8.8		26.8%	
HDB	Ngân hàng	23.1	0.2%	1.1	80,736	266.5	3,667	6.3		17.2%	
MBB	Ngân hàng	24.3	1.7%	1.0	147,980	542.0	3,729	6.5	26,300	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	11.9	-2.1%	1.2	30,810	269.3	2,123	5.6	14,000	27.6%	Link
STB	Ngân hàng	38.9	1.3%	1.2	73,335	349.2	5,351	7.3		22.0%	
TCB	Ngân hàng	27.5	0.7%	1.2	193,930	540.0	3,054	9.0	31,400	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	15.2	-5.3%	0.8	40,158	1273.0	2,299	6.6	-	28.1%	Link
VCB	Ngân hàng	66.8	0.5%	0.6	558,160	119.3	4,049	16.5		22.8%	
VIB	Ngân hàng	20.4	-0.5%	1.2	60,774	154.4	2,424	8.4		5.0%	
VPB	Ngân hàng	19.6	0.8%	1.0	155,505	450.4	1,989	9.9	25,500	24.9%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	27.2	-0.4%	1.2	173,658	679.5	1,879	14.5	37,500	21.4%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	17.9	0.9%	1.8	11,085	96.6	935	19.1	22,700	8.3%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	29.4	-0.5%	1.5	9,839	208.9	2,712	10.8	31,000	6.5%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	68.4	-0.2%	1.6	98,383	235.8	1,345	50.9		25.4%	
VNM	Thực phẩm và đồ uống	61.8	-0.8%	0.7	129,159	243.3	4,494	13.8		50.3%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VND)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	39.0	-0.76%	1.8	8,548	51.8	2,042	19.1	19.0%	15.9%	Link
FRT	Bán lẻ	176.0	-2.22%	0.7	23,979	133.4	2,331	75.5	33.1%	18.1%	
BVH	Bảo hiểm	53.0	-0.75%	0.8	39,343	25.3	2,809	18.9	26.6%	9.5%	
DIG	Bất động sản	20.4	-0.49%	1.7	12,410	276.8	172	118.2	4.1%	1.4%	
DXG	Bất động sản	16.7	-0.60%	1.7	14,500	132.7	350	47.6	21.2%	2.5%	Link
HDC	Bất động sản	26.7	-1.66%	1.3	4,762	103.8	377	70.8	3.1%	3.1%	
HDG	Bất động sản	27.4	-1.26%	1.4	9,215	74.0	1,714	16.0	19.6%	9.4%	
IDC	Bất động sản	53.9	-0.55%	1.1	17,787	34.7	6,050	8.9	21.0%	37.7%	
NLG	Bất động sản	34.4	-2.27%	1.3	13,247	175.1	1,346	25.6	38.5%	5.4%	
SIP	Bất động sản	90.0	3.21%	0.0	18,948	61.9	5,555	16.2	5.4%	29.5%	
SZC	Bất động sản	44.3	0.57%	1.3	7,964	49.9	1,809	24.5	2.4%	12.5%	Link
TCH	Bất động sản	17.3	-0.57%	1.4	11,560	66.5	1,466	11.8	8.8%	10.8%	Link
VIC	Bất động sản	51.5	-0.77%	1.1	196,919	343.8	3,026	17.0	9.2%	9.3%	
VRE	Bất động sản	18.4	-0.27%	1.4	41,811	66.6	1,802	10.2	18.0%	10.3%	
CMG	Công nghệ Thông tin	41.2	0.00%	0.7	8,695	23.6	1,478	27.8	35.9%	11.4%	
PLX	Dầu khí	41.3	-0.48%	0.9	52,475	35.3	2,275	18.2	17.4%	11.1%	Link
PVD	Dầu khí	23.3	0.22%	1.4	12,924	61.2	1,252	18.6	8.9%	4.6%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	50.3	-0.20%	2.0	15,388	170.5	1,869	26.9	30.2%	14.6%	
MBS	Dịch vụ tài chính	30.9	0.98%	1.8	17,699	134.4	1,583	19.5	6.8%	12.5%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	68.6	-0.29%	0.7	160,707	51.4	4,439	15.5	1.7%	16.7%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.9	-0.39%	1.0	30,093	136.7	535	24.0	3.7%	4.0%	
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	71.5	2.00%	0.9	33,677	37.1	4,237	16.9	49.0%	11.0%	
VJC	Du lịch và Giải trí	96.2	-1.64%	0.5	52,103	53.0	2,632	36.5	12.9%	8.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	23.9	4.61%	2.2	20,497	413.9	1,910	12.5	7.7%	12.4%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	59.4	0.17%	1.0	24,959	52.0	4,629	12.8	41.9%	13.9%	
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	49.9	3.53%	1.5	6,055	109.3	4,658	10.7	10.5%	21.9%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	25.4	-0.39%	1.1	9,043	24.1	3,071	8.3	11.9%	15.1%	
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	145.0	-1.29%	0.0	17,659	25.9	3,144	46.1	6.5%	24.1%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	89.8	1.81%	0.7	30,344	77.4	6,305	14.2	48.3%	20.1%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	40.2	-1.11%	0.7	4,089	77.4	2,710	14.8	49.9%	13.0%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	21.5	-0.92%	1.2	2,636	20.9	2,575	8.4	16.1%	17.5%	
DPM	Hóa chất	35.6	-0.28%	1.6	13,931	43.0	1,518	23.5	9.0%	5.3%	Link
GVR	Hóa chất	34.5	-0.86%	1.8	138,000	81.8	1,053	32.8	0.7%	8.2%	
EIB	Ngân hàng	20.0	0.25%	1.0	37,161	268.3	1,786	11.2	3.9%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	35.6	-1.11%	0.9	106,198	94.4	3,254	10.9	0.9%	25.1%	
NAB	Ngân hàng	17.6	-3.84%	0.0	23,211	298.2	2,702	6.5	1.6%	20.9%	
OCB	Ngân hàng	11.2	-0.89%	1.1	27,494	33.8	1,287	8.7	19.7%	10.5%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	15.5	1.98%	1.7	6,915	111.3	1,397	11.1	5.9%	8.0%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	17.1	-0.87%	1.6	4,553	25.0	182	94.1	0.7%	1.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	33.0	-0.15%	0.6	7,888	167.0	1,584	20.8	3.5%	13.4%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	50.6	-0.39%	1.0	64,898	78.4	3,376	15.0	60.1%	18.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	66.8	-2.05%	1.2	14,993	60.0	5,496	12.2	25.3%	14.5%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	119.5	0.00%	0.8	9,782	7.3	12,103	9.9	82.3%	36.8%	
CTD	Xây dựng và Vật liệu	86.9	3.21%	1.4	8,684	156.3	3,734	23.3	48.6%	4.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	106.0	-0.93%	1.2	12,125	48.5	4,709	22.5	8.1%	28.0%	
DPG	Xây dựng và Vật liệu	48.8	0.72%	1.6	3,074	20.4	3,545	13.8	6.6%	11.8%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.6	0.00%	1.8	5,425	64.0	937	13.4	6.6%	4.8%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	23.0	-0.86%	1.3	8,226	32.5	1,287	17.9	15.7%	8.6%	
VCG	Xây dựng và Vật liệu	21.0	0.96%	1.8	12,570	141.4	1,579	13.3	6.2%	12.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	52.0	0.97%	1.5	23,314	101.6	2,464	21.1	5.8%	13.7%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_ Thương chiến 2.0	x		Click
3	Triển vọng VMTT 2025_ Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
4	BSC_ Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
5	BSC_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
7	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
8	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
9	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
17	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
19	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
20	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
21	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
22	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>